

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 01 – 2026

“ *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trung Du

2/ Bà Đặng Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long :* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 –Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 386/2025/TLST – HNGĐ ngày 13/11/2025 về việc “***Tranh chấp hôn nhân và gia đình***”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 184/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Vũ Đình H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:* Bà Đào Thị Anh Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1, ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Vũ Đình H trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Anh H và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2018 tại UNND xã L, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Tuy nhiên chị T vẫn làm tròn bổn phận chăm sóc cho gia đình; anh H và chị T đã ly thân nhau từ tháng 8/2025 đến nay.

Nay anh H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Phúc A, sinh ngày 10/10/2018. Sau khi ly hôn tôi đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất nguyên đơn về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H không có mâu thuẫn hay cự cãi gì với nhau, chị và anh H ly thân từ tháng 10/2025 lý do là anh H dọn đến chỗ làm để thuận lợi cho công việc, anh H vẫn thường xuyên về nhà thăm con chung và chở con đi chơi. Nay chị T không đồng ý ly hôn với anh H vì chị T còn thương chồng, muốn đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc cho con.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Phúc A, sinh ngày 10/10/2018. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn thì tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Anh H trình bày: Do vợ chồng mâu thuẫn nhiều việc trong cuộc sống. Anh gây nợ riêng số tiền lớn bên ngoài, hai vợ chồng cùng trả nợ. Hiện tại còn nợ người thân 400.000.000đ và đang trả dần, chị T có lời lẽ không tôn trọng anh. Anh cảm thấy không còn tình cảm, sống chung với nhau không hạnh phúc và làm cả hai đau khổ. Do đó, nay anh yêu cầu ly hôn, đồng ý giao con cho vợ nuôi và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Chị T trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Chồng chị do làm ăn thất bại có nợ riêng bên ngoài. Chị làm giáo viên lãnh lương và vay tiền trả nợ cho anh H số tiền rất nhiều, hiện còn nợ 400.000.000đ của người thân chị T, vợ chồng đang trả nợ dần. Chị rất thương chồng, không có dùng lời nói hay bất cứ hành động gì không tôn trọng anh, không cãi vã, không ly thân. Do anh ở lại nơi làm việc để thuận tiện trong công việc, tuy nhiên anh về nhà thường xuyên để chăm sóc cho con, chở con đi khu vui chơi. Cuộc sống vợ chồng rất vui vẻ, hạnh phúc, không có buồn khổ như anh trình bày. Chị tha thiết muốn đoàn tụ, rất mong anh vượt qua mặc cảm, chị và con rất thương anh, lúc nào cũng muốn anh quay về đoàn tụ để vun đắp tình cảm, xây dựng gia đình, cùng nhau chăm sóc con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền: Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Giữa anh H và chị T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì với nhau, chị T vẫn làm tròn bổn phận chăm sóc cho gia đình. Tuy nhiên, anh H cảm thấy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc.

[1.3] Về phía chị T cũng cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì với nhau. Nay chị không đồng ý ly hôn vì chị còn thương chồng và muốn đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc cho con chung.

[1.4] Tại tờ xác nhận ngày 10/12/2025 của bà Trưởng ban N, phường L và UBND phường L có nội dung: “Khóm không có nhận đơn hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T”. Đồng thời giữa anh H và chị T không có mâu thuẫn phải đến mức đã được bà con thân thích, họ hàng nhắc nhở, hòa giải nhiều lần.

[1.5] Tại tờ xác nhận ngày 10/12/2025 của bà Đào Thị Anh Đ (là mẹ ruột của nguyên đơn anh H) có nội dung: “*Tôi là mẹ ruột của Lê Vũ Đình H; là mẹ chồng của Nguyễn Thị Thanh T. Tôi thường xuyên đến nhà của vợ chồng H và T nên biết được sự việc là H và T từ khi kết với nhau vào năm 2021 thì H và T sống chung nhà tại số nhà A, khóm T, phường L, tỉnh Vĩnh Long.*

Đến ngày 01/10/2025 thì H xin được việc làm, do yêu cầu của công việc nên H phải dọn ra sống tại chỗ làm từ ngày 01/10/2025. Hiện tại H vẫn thường xuyên về thăm nhà và dắt con gái tên là Lê Ngọc Phúc A đi chơi, sinh hoạt bình thường.

Từ khi vợ chồng H, T sống chung đến nay thì tôi không thấy có mâu thuẫn, hay cự cãi lớn tiếng với nhau. Đồng thời vợ chồng H, T cũng không có nhờ gia đình 02 bên, cũng như chính quyền địa phương hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng”.

Từ những căn cứ trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh [Lê Vũ Đình H](#) là có cơ sở và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 89 Nghị quyết 02/2000/NQ – HĐTP và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về con chung: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn không được chấp nhận nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm:

+ Anh [H](#) phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, Điều 39, 91, 92, 147 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 89 Nghị quyết 02/2000/NQ – HĐTP và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh [Lê Vũ Đình H](#) về việc xin ly hôn với chị [Nguyễn Thị Thanh T](#).

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí :

Anh [H](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0009443 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh [H](#) đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Kv4;
- P THADS Kv4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mẫn